

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

2. Ông Trần Hồng Phúc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1983; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị và anh Đặng Văn C quen biết được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới ngày 29/12/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 22/02/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung Đặng Văn C, sinh ngày 01/12/2007 và Đặng Phạm Khôi N, sinh ngày 29/8/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian sau này từ năm 2011 giữa chị và anh C thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 06/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị trực tiếp nuôi hai con chung. Khi nộp đơn khởi kiện chị trình bày có nợ Ngân hàng

C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Long An tổng số tiền 42.000.000 đồng, nhưng đến nay chị đã trả xong không còn nợ Ngân hàng C.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn C; Về con chung: Chị M yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Đặng Văn C, sinh ngày 01/12/2007 và Đặng Phạm Khôi N, sinh ngày 29/8/2011; Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu giải quyết; Về chia tài sản: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung, chị trả xong không còn nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Long An; Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ ai khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải cho anh Đặng Văn C nhưng anh C không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh C vẫn không đến để tham gia phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Hôn nhân giữa chị M và anh C là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mối quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị M và anh C đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2017. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về con chung: chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung Đặng Văn C, sinh ngày 01/12/2007 và Đặng Phạm Khôi N, sinh ngày 29/8/2011. Xét thấy, sau khi chị và anh C sống ly thân từ tháng 06/2017 đến nay, chị trực tiếp nuôi 02 con chung. Hơn nữa, hai con chung có nguyện vọng sống với chị M để được chăm sóc, nuôi dưỡng, Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con của chị M theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: chị M trả xong nợ cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Long An số tiền 42.000.000 đồng, Ngân hàng C không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Đặng Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

2. Về nội dung vụ án:

[1] *Về hôn nhân*: chị Phạm Thị M với anh Đặng Văn C tiến tới hôn nhân và vào ngày 22/02/2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An. Đây là hôn nhân đúng pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị M và anh C phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh C có khoảng cách, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị M và anh C đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2017 đến nay. Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng, anh C biết được yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn. Từ đó thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chị M yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Đặng Văn C, sinh ngày 01/12/2007 và Đặng Phạm Khôi N, sinh ngày 29/8/2011. Xét thấy, chị M đang nuôi dưỡng và chăm sóc 02 cháu C và N. Chị M hiện có công việc và thu nhập ổn định, 02 cháu C và N được chăm sóc tốt, cháu C và cháu N có nguyện vọng sống với mẹ nên giao cháu C và cháu N cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Đặng Văn C, sinh ngày 01/12/2007 và Đặng Phạm Khôi N, sinh ngày 29/8/2011.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Chị M trả xong nợ cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Long An số tiền 42.000.000 đồng, Ngân hàng C không yêu cầu nên không đề cập đến.

[6] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu của chị M là có căn cứ.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Anh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 17, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung Đặng Văn C, sinh ngày 01/12/2007, giới tính: Nam và Đặng Phạm Khôi N, sinh ngày 29/8/2011, giới tính: Nam.

Bên không nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008834 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Chị Phạm Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự (Đặng Văn C) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung